

Vai trò của hương ước trong cộng đồng làng Công giáo vùng đồng bằng sông Hồng

Nguyễn Thị Quế Hương¹

¹ Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: quehuongtg@gmail.com

Nhận ngày 3 tháng 5 năm 2020. Chấp nhận đăng ngày 20 tháng 5 năm 2020.

Tóm tắt: Hương ước² biểu hiện cho sự dung hòa về quyền lợi giữa làng xã với Nhà nước, giữa “phép nước” và “lệ làng”. Hương ước là những quy ước của một cộng đồng người chung sống trong cùng một làng xã, có vai trò trong việc điều chỉnh, điều hòa quan hệ giữa cá nhân với cá nhân, giữa cá nhân với tập thể, và giữa tập thể này với tập thể khác, nhất là trong làng Công giáo. Do đó, việc cần phải có hương ước để điều chỉnh, hài hòa mối quan hệ, đoàn kết dân tộc, tôn giáo là cần thiết. Là một trong những thành tố văn hóa phi vật thể tạo nên văn hóa làng, hương ước thể hiện sự lắng đọng, gắn kết của phong tục, tập quán, của lối sống văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo mà ông cha ta gây dựng và để lại cho đời sau. Do vậy, việc đánh giá vai trò hương ước, nhất là các mặt tích cực trong lịch sử cũng như hiện tại, nhằm tư vấn, bổ sung hương ước mới, những quy ước mới trong làng xã, thể hiện tính tự nguyện, tính đồng thuận của mỗi người dân trong cộng đồng tôn giáo là thiết thực, nhất là trong bối cảnh đa dạng văn hóa, tôn giáo và biến đổi ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Làng Công giáo, hương ước, vai trò hương ước, đồng bằng sông Hồng.

Phân loại ngành: Tôn giáo học

Abstract: Village conventions represent the harmony of interests between the village and the state, and between the state law and the village's rules/regulations. They are the agreed rules of a community living in the same village, playing a role in regulating and harmonising the relationships among individuals, between an individual and the group he/she is in, and between a group and another/other groups, especially in the Catholic village. Therefore, village conventions are needed to regulate and harmonise relationships, for the sake of national and religious unity. One of the intangible cultural elements that make up the village culture, they demonstrate the essence and cohesiveness of customs and habits, and the cultural lifestyle, the beliefs and religions developed by the Vietnamese forefathers to hand over to the subsequent generations. Consequently, evaluating the role of village regulations, especially their positive aspects in the past as well as at present, to counsel

on and make supplements to have new conventions and regulations in the village, demonstrating voluntariness and consensus of all the people in the religious community, is of practical significance, especially in the context of cultural and religious diversity and changes in Vietnam today.

Keywords: Catholic village, village conventions, role of village conventions, the Red River Delta.

Subject classification: Religious studies

1. Dẫn nhập

“Đất có lệ, quê có thói”, hay “Phép vua thua lệ làng”, đó là những câu tục ngữ đã quá quen thuộc với mọi người dân Việt, nhất là ở vùng nông thôn đồng bằng sông Hồng³ với hàm ý nói về tục lệ, lệ luật, hương ước, khoán ước, giao ước... của làng xã xưa. Để điều hòa mọi hoạt động của đời sống tín ngưỡng, tôn giáo; chính trị và xã hội trong làng xã, đòi hỏi phải có lệ làng, mà lệ làng thành văn đó chính là hương ước - một “cương lĩnh” [29, tr.103], có thể còn khá chung chung nhưng dù sao vẫn là một cương lĩnh về nếp sống hàng ngày của làng xã, mà mọi cá nhân, mọi tổ chức trong làng xã phải tuân thủ. Làng Công giáo⁴ được hình thành trên cơ sở của làng Việt, bởi vậy hương ước làng Công giáo cũng có những quy định giống như hương ước làng Việt. Nghiên cứu về hương ước làng Việt và phân kỳ hương ước đã có ý kiến của nhiều nhà nghiên cứu thống nhất về các giai đoạn của hương ước làng Việt [4], [2], [28], do vậy hương ước làng Công giáo vùng đồng bằng sông Hồng cũng có các loại tương ứng với các giai đoạn khác nhau: Giai đoạn trước cải lương hương chính (hay còn gọi là hương ước trước cải lương, được viết bằng chữ Hán - Nôm), giai đoạn cải lương hương chính (1921-1944), (hay còn được gọi là hương ước cải lương, được viết đồng thời bằng chữ Quốc ngữ, Hán ngữ, hoặc Pháp ngữ) và giai đoạn sau cải lương

hương chính, cụ thể sau khi có Chỉ thị số 24/1998/CT-TTg về việc xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của làng, bản, thôn, ấp, cụm dân cư (gọi nôm na là hương ước mới (so với 2 loại trên), được viết bằng chữ Quốc ngữ). Hương ước làng Công giáo được coi là hương ước trước cải lương thì theo sự tìm kiếm của chúng tôi chỉ có từ cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX; hương ước làng Công giáo được coi là hương ước cải lương có từ năm 1921-1944; còn hương ước mới hay còn gọi là hương ước làng văn hóa có từ sau năm 1998. Trong 100 bản hương ước làng Công giáo thu thập được, chúng tôi lựa chọn tại các tỉnh, thành vùng đồng bằng sông Hồng⁵, đa số là các bản hương ước làng Công giáo thuộc giai đoạn cải lương hương chính. Xét tổng thể, ở mỗi văn bản hương ước làng Công giáo từ quá khứ đến hiện tại đều thể hiện các quy định của Nhà nước được cụ thể hóa từ luật, thông qua hương ước để đưa ra các mục tiêu điều chỉnh của Nhà nước đến từng cộng đồng làng xã. Việc tạo lập các bản hương ước qua từng thời kỳ khác nhau với mục đích góp phần giáo dục người dân trong làng sống có văn hóa hơn, có trách nhiệm hơn, tự điều chỉnh những hành vi của mình; tạo khối đại đoàn kết toàn dân trong cộng đồng làng xã. Trong mỗi giai đoạn khác nhau, vai trò của hương ước cũng khác nhau, tuy nhiên cả ba loại hương ước chúng tôi khảo cứu, hương ước đều có một số vai trò nhất định đối với cộng đồng làng xã.

2. Vai trò của hương ước trong việc tự trị, tự quản tại các làng Công giáo, duy trì trật tự, kỷ cương, tạo ra môi trường ổn định và an toàn cho cả cộng đồng làng xã xưa

Làng xã trước kia được mệnh danh “hương đảng là một triều đình nhỏ”, do vậy tính tự trị, tự quản [5] cũng thể hiện rất rõ và đó là mảnh đất để hương ước xưa tồn tại, phát triển. Trong phần mở đầu của hầu hết các hương ước làng Việt xưa hay hương ước làng Công giáo đều thể hiện qua phần lí do tạo lập hương ước về tính tự trị được trình bày bằng bằng lối văn, hay thơ gieo vần dễ nhớ, dễ đi vào lòng người do các nho gia làng Công giáo sáng tác, như trong Hương ước tổng Thuận Vi, Thái Bình chép:

“...Tăng Bồng Giáo hữu Giáp ta.

Trùm dân thượng hạ chép ra chương trình.

Ấy hương đảng tiêu triều đình.

Ắt là phải có thường hành quy mô...” [18].

Có những làng trước kia chỉ là những khoán ước chưa đầy đủ, lưu truyền tự xưa hoặc chỉ khẩu truyền mà không có văn bản, hoặc có văn bản mà không hợp thời thế, do vậy cần phải sửa đổi, xem xét tình hình hiện thời, so sánh khoán lệ thời trước, điều nào lợi thì giữ, điều nào không hợp thời bỏ, mục đích làm cho gia tộc được thịnh giàu, dân làng có trật tự, sau sẽ theo trình độ tiến hóa mà cải bổ thêm, như trong Hương ước tộc Giáo, Thái Bình có nói đến việc soạn lại, bổ sung lại hương ước đã có được trình bày theo thể thơ để người dân dễ nhớ, dễ thực hiện, như:

“...Trên chức sắc, dưới dân đình.

Anh em hợp ý đồng tình cho nên...

Vậy nên khuyết liệt khó coi.

Nay ta chính lại mấy lời cho mình...” [20].

Việc tạo dựng kỷ cương, lệ làng, phép nước được thể hiện trong Tục lệ ấp Tôn Đạo tổng Quy Hậu, Kim Sơn, Ninh Bình:

“Khoản thứ nhất: Hút thuốc phiện là điều nghiêm cấm, trong ấp nhiều người nhiễm tập thành thói quen, nay thừa chỉ thị nêu rõ thành 7 điều: điều thứ nhất viên chức nào hút thuốc phiện bắt khoán tiền 6 quan, đình nam bắt phạt 3 quan, đánh 30 roi để trị...” [23]. Có hương ước làng lại chép quy định về cấm dùng, buôn bán thuốc phiện cho các dòng họ trong làng. Điều này chứng tỏ việc tự quản, tự trị rất nghiêm đối với vấn đề kỷ cương lệ làng. Hương ước thôn Triệu, xã Thám Thanh, Vụ Bản, Nam Định cũng có quy định như sau: “Trong họ tộc, người nào hút thuốc phiện, bất kể nhiều ít, huynh thứ sẽ phạt 12 quan tiền, truất xuống làm phu hạng... khi chết không được đưa táng như vậy để tuyệt gốc gác...” [25]. Hoặc trong Hương ước ấp Tôn Đạo, Ninh Bình - một làng Công giáo toàn tông cũng có chép về lệ kỷ cương, trật tự trong làng: “Mọi người trên dưới trong bốn giáp ấp Tôn Đạo, tổng Quy Hậu, huyện Kim Sơn, phủ Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình cùng nhau lập khoán ước... Lệ bản ấp hội họp tại đình.... từ người 18 tuổi trở lên tề tựu tại đình nghe việc. Sau đó điểm mục, người nào vắng mặt, nếu là viên chức bắt phạt tiền 1 quan 2 mạch, nếu là dân đình bắt phạt 3 mạch” [23]. Trong văn bản Hương ước làng Lương Giáo Lạc Nhuế (Hà Nam) ghi: “Triều Nguyễn, niên hiệu Tự Đức 26, ngày 16 tháng 8, tại xã Lạc Nhuế, tổng Phương Đàn, huyện Kim Bảng, phủ Lý Nhân, Kỳ mục, Hương lão, Lý dịch trong xã cùng mọi người trên dưới thuận tình noi theo các điều lệ đã có từ trước đây.... (Nay) những muốn định lại, tu chỉnh theo truyền thống lâu đời, ấy là thuần phong mỹ tục tốt đẹp, tương lai thì gột sạch những điều còn hẹp hòi, sơ sài, luôn suy xét thật nghiêm minh các điều lập ra để truyền lại... Giáo tộc (Người theo Công giáo) cùng các dòng họ ở xã Lạc Nhuế, tổng Phương Đàn, huyện

Kim Bảng lập khoán ước:... Cái thói quen của dân, không có kỷ cương thì lòng người sao có thể nổi theo pháp lệnh, lập ra (pháp lệnh) thì quốc gia sửa trị tự an bình. Kỷ cương mở rộng thì phong tục của nhân dân được chấn chỉnh, trong làng xã có tiểu triều đình vậy. Vì thế, nay hội họp thuận tình tu sửa khoán lệ, để từ nay về sau con cháu noi theo và không được vượt qua các điều lệ đã liệt bày bên trái. Triều Nguyễn, niên hiệu Khải Định 5, ngày 25 tháng 6” [27].

Theo một nguyên tắc, những người nắm chức vị trong tổ chức tự trị của làng như Tiên chỉ, Thờ chỉ và những người giữ vai trò chủ chốt trong tổ chức hành chính của làng xã như Lý trưởng, Phó lý, Trương tuần (nếu là làng Công giáo toàn tòng) nhất thiết phải là những người đương chức hoặc cựu chức trong Ban hành giáo xứ họ. Ví dụ, Lý trưởng phải là người đã hoặc đang làm Chánh trương hoặc Phó trương, rất hiếm có trường hợp Lý trưởng làng Công giáo là giáo dân thường, vì như vậy, khi đi dự việc đạo, họ phải ngồi cùng hàng với giáo dân thường. Điều này cũng được ghi trong Hương ước làng Công giáo, cụ thể trong Hương ước Đồng Châu, Thái Bình có chép: “Lệ về viên chức hạng nhất là các ông Trùm tân cựu trong Họ lại chức dịch trong Đạo. Từ Phó khu trở lên bằng chức dịch phân đại, từ Phó Lý trưởng trở lên với những kẻ đã làm dịch làng, từ thư kí, Tuần mục trở xuống mà đã có đơn bầu, lại cũng đã có đơn bầu làm việc họ như thư kí, cán sự v.v.. hay là làm việc hàng khu, từ thư kí đến khu trở xuống” [9].

Đặc biệt, trong Công hàm xứ Bắc Trạch, Thái Bình ghi rõ về việc thành lập Ban hành giáo tại các xứ, họ đạo, quan trọng nhất là việc Chánh trương phải là ông Trùm Chánh xứ để quán xuyến công việc cho thuận lợi, giúp đáng linh mục trong cả việc đạo và việc đời: “Theo Quy định của

Bề trên địa phận thì mỗi xứ nhiều hay các Họ thuộc xứ được thành lập một Ban Hàng phủ gồm Chánh Trương, Phó Trương, Thư kí, Thủ quỹ. Các nhân sự do các Họ bầu theo yêu cầu của từng vùng. Từ năm 1989 tới nay thì Chánh Trương phải là ông Trùm Chánh nhà xứ, còn các thành viên khác do các Họ. Nhiệm vụ cơ bản của Ban Hàng phủ có quyền điều hành, tiến cử các nghi thức của các ngày Lễ trọng và ngày châu lượt trong địa phận” [1].

Như vậy, trong các vấn đề xã hội của làng xã, ta thấy nổi lên đó là tinh thần tự giác, tự quản, tự chủ của cộng đồng dân cư trong vùng được thể hiện bằng phạm vi đa dạng các quan hệ xã hội do hương ước điều chỉnh. Mọi quyền lực trong làng mặc dù đã có pháp luật của Nhà nước quy định nhưng đều do dân trong làng quyết định. Nếp sống tự giác, tự quản thể hiện trên các phương diện văn hóa, xã hội kinh tế tự cung tự cấp, tự bảo quản an ninh trật tự, bảo vệ làng xóm, đề điều, vệ sinh, cảnh quan môi trường xung quanh làng, tất cả đều là nếp sinh hoạt, thói quen bao đời nay của người dân trong làng xã xưa.

3. Vai trò của hương ước trong việc duy trì và phát huy thuần phong, mỹ tục, truyền thống văn hoá cộng đồng, phát huy các giá trị đạo lý và nhân văn

Về củng cố đạo lý nhân văn: việc đảm bảo gìn giữ thuần phong mỹ tục của làng, tùy theo từng làng khác nhau mà có những phong tục riêng của làng mình. Bên cạnh việc giữ đạo là việc gìn giữ lễ nghi cổ truyền của người Việt Nam nói chung, việc gìn giữ phong hóa của làng được quan tâm nhiều, như vấn đề hôn nhân, vấn đề trêu ghẹo đàn bà, con gái, hay uống rượu say hoặc việc bán và hút thuốc phiện v.v..

Những điều đó sẽ ảnh hưởng đến mọi người xung quanh, đến tục lệ làng, nếu không nghiêm trị. Trong Hương ước làng Vĩnh Trị (Nam Định) có quy định về việc hôn lễ rất rõ ràng với tính chất là một làng toàn tòng, tại Điều 103 như sau: “Làng toàn Công giáo chỉ được phép nhất phu nhất phụ thôi, vậy ai còn vợ cả mà lấy vợ hai thì làng không ăn ngôi với nữa để khỏi làm gương xấu cho kẻ khác” [16]. Hay trong Hương ước làng Đông Xuyên Ngoại (Hải Phòng), có quy định về việc cưới như sau: “Việc cưới xin do đạo Công giáo quy định: trước hết đó là tín đồ theo Giáo luật chỉ được phép lấy một vợ một chồng” [8].

Đạo lý Nho gia còn được gìn giữ và phát huy với vấn đề Hiếu đễ - một phần quan trọng của tam cương ngũ thường (quan hệ vua - tôi; cha - con; chồng - vợ) - là rường cột của đạo Nho. Trong hương ước có những quy định về trách nhiệm của cha, mẹ, đối với con cái và con cái với cha mẹ, hàng xóm láng giềng, và tôn trọng giới nữ ở những làng Công giáo. Vấn đề đạo Hiếu được quy định rõ trong Điều 109 và 110, Khoản 18, Hương ước làng Phú Nhai (Nam Định): “Người nào trong làng tình cảnh không phải vất vả mà để ông bà, cha mẹ rách rưới, khổ sở, Hương hội sẽ cho tìm con cháu ra khuyên bảo, nếu không tuân sẽ cho là tội bất hiếu, Hương hội sẽ phạt truất ngôi thứ cho đến khi biết hối cải” [12]. Trong Hương ước Sa Châu ấp, Nam Định ghi về vấn đề phong hóa tại Khoản thứ 16, gồm 4 điều, từ Điều 80 đến 83: nói về việc răn dạy con cái không được ăn ở trái với luân thường, phải phụng dưỡng bố mẹ già, phải làm tròn chữ Hiếu, phải sống đúng bốn phận làm cha, mẹ, vợ, chồng; cấm trêu ghẹo đàn bà... [19].

Vấn đề gìn giữ truyền thống văn hóa dân tộc được thể hiện rõ nét qua việc thờ cúng tổ

tiên, và có thể thấy từ sau Thư chung 1980, người Công giáo đã có trách nhiệm hơn, thực hiện đều hơn, tốt hơn việc thờ cúng tổ tiên ở mỗi gia đình, dòng họ và làng xã. Đồng thời, trên tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII, từ năm 2000 đến nay, hầu như các làng Việt nói chung và làng Công giáo nói riêng đều xây dựng những quy ước, hương ước làng văn hóa mới, nhằm phát huy giá trị văn hóa truyền thống của làng trên tinh thần đổi mới cho phù hợp với xã hội hiện đại. Hương ước một số làng Công giáo xây dựng trong thời kỳ đổi mới đều có những điều khoản nhằm quy định về kế thừa và phát huy những thuần phong mỹ tục của làng, ví dụ trong Chương 1: Những điều khoản quy định chung của Hương ước làng Tiên Đồi Ngoại - Xóm Giáo, huyện Tiên Lãng, Hải Phòng chép rằng: “Hương ước làng Xóm Giáo quy định những điều nhằm bảo lưu và phát huy những thuần phong mỹ tục tốt đẹp của làng, bài trừ các hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan, xây dựng tình làng nghĩa xóm, góp phần phát triển gia đình văn hóa. Đồng thời, đề ra các biện pháp bảo vệ giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội, khuyến khích các gia đình dòng họ và từng cá nhân thực hiện đầy đủ các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và quy định của địa phương” [15].

Vấn đề này cũng được đề cập trong Điều 2, Chương 1, Hương ước làng Tiên Lãng, Hải Phòng, một làng Lương - Giáo: “Làng khuyến khích mọi người, mọi nhà sống có đạo lý. Thờ cúng tổ tiên và những người đã khuất. Không quan hệ bất chính và kết hôn trong dòng họ, trái với Luật đã quy định, nếu ai có biểu hiện vi phạm thì cha mẹ và trưởng họ có quyền răn bảo, nếu cố tình thì thông báo cho trưởng làng báo cáo với chính quyền xử lý theo pháp luật” [14].

Từ khi du nhập vào Việt Nam, trên tinh thần hội nhập văn hóa bản địa, người

Công giáo Việt Nam đã khéo léo lồng ghép những tục lệ của người Việt với những lễ nghi của Công giáo vào sinh hoạt thường ngày của họ. Một phong tục cổ truyền của người Việt đó là tục cúng hậu⁶ cũng được hương ước nhắc đến. Ví dụ, trong Hương ước làng Đáp Khê (Hải Dương) có ghi về tục gửi hậu cả với những người đã chết và đang còn sống như sau: “Hậu chết Nguyễn Thị Huệ có 1 mẫu ruộng, Nguyễn Văn Hề có 2 mẫu, 2 sào, Nguyễn Thị Loan có 2 mẫu, 2 sào. Hậu sống, Phạm Thị Nhị có 1 mẫu, Nguyễn Thị Hòe có 1 mẫu. Cộng 7 mẫu 4 sào hàng năm, phân phe bán đầu lấy tiền, hậu chết thì cúng hậu, còn số tiền của hậu sống thì để công chi” [7]. Việc cúng hậu còn là một việc làm đẹp để cho người dân trong làng noi theo, như ở xứ đạo Xuân Hòa, Kiên An (nay thuộc xứ Xuân Hòa, xã Bạch Đằng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng), có bia về sự cúng hậu của xứ đạo: “Để ghi lại sự việc: Ấp Xuân Hòa ta là một ấp kỳ cựu, tôn sùng Thiên Chúa đã lâu rồi, trong thời gian ấy mưu việc tu sửa giáo đường, trang hoàng tượng thánh cùng... trừ tính việc công ích vốn không phải chỉ là một ngày. Năm nay vị quản linh mục là Phạm Gia Tâm là người vì ấp ta mà tính việc kiến thiết, không nghĩ đến chi phí lớn đến hàng ngàn đồng nguyên. Cụ Phạm Thị Ân là người già cả mà lại là người khá giả trong ấp ta, thọ đến 95 tuổi, là người có thể cung cấp số tiền là 100 đồng nguyên để giúp đỡ công việc. Dân xã thấy việc thiện không thể để mai một, suy tôn cụ làm hậu vị để tưởng nhớ mãi. Cụ lại cúng thêm đất vườn là 1 sào tại bản xã, lô đất số 62 để làm ngôi hậu từ và các chi phí (... mỗi ngày tết Nguyên đán làm lễ cúng mừng)... ngày kị sau này làm lễ hàng năm, cầu hồn một lễ đều trích lấy từ hoa lợi của đất vườn. Đáng mừng thay... thấy người như vậy làm sao không thể có lời tôn sùng suy tưởng hay sao... đồng dân ký kết... căn cứ giao làm bia đá ngoài gốc cây đề truyền lâu dài để

mà... người sang người hèn lên Giáo đường phàm người có tấm lòng đối với đạo có chỗ mà noi vậy” [30, tr.58].

Vùng đồng bằng sông Hồng làm nghề nông là chính, do vậy trong cuộc sống của người dân vùng này, mọi hoạt động văn hóa của làng xã xưa đều được chú trọng vào các phong tục, lễ nghi liên quan đến nông nghiệp như: lễ Hạ điền, Thượng điền, Thường tân... Vấn đề này được thể hiện rõ nét trong một số hương ước làng Công giáo vùng đồng bằng sông Hồng, ví dụ trong Hương ước làng Mỹ Đình (Thái Bình), có ghi về lễ Hạ điền tại Điều 28, như sau: “Hàng năm cứ đến ngày 29 Juin (tháng 6), đồng dân tề tựu tại nhà thờ xem lễ cầu nguyện cho được mùa rồi bắt đầu cấy, tục gọi là Hạ điền” [11].

Lễ Thượng điền (lễ lên đồng) đây là nghi lễ được thực hiện sau khi vụ thu hoạch đã xong, lễ này để cảm tạ các vị thần đã cho dân làng được một vụ mùa bội thu và thường có ăn uống. Ở xứ Tôn Đạo (Ninh Bình) có quy định khá tỉ mỉ trong hương ước như sau: “Cứ theo điều ước bản tổng lấy ngày 15/7 làm kỳ dụng, lấy ngày 13 tháng ấy, theo như các nơi trong tổng, đem lợn ra chợ tổng mua bán để tiện cho lễ Thượng điền... còn như ngôi thứ ăn uống trong làng đã có lệ cũ” [23].

Lễ Thường tân là lễ cúng cơm mới, lễ này thường được tổ chức vào tháng 9 hàng năm, sau khi gặt xong thì đem lúa mới đi xay giã thành gạo để thổi cơm và dâng cúng thần linh. Trong hương ước các làng Công giáo cũng có chép về lễ này, ví dụ tại Điều 13 trong Hương ước thôn Giáo dân (Ninh Bình) có chép: “Một lệ, tháng 9 hàng năm vào tiết Thường kỳ (tức lễ tế vào mùa thu (tháng 9), bản thôn lấy tiền ruộng công cao như cũ giao cho ba người nhận canh tác trong năm ba vụ, mỗi người nhận ba sào dùng xôi gà một bàn trên một vụ. Kỳ Thanh khiết tăng giá tiền 3 quan, gà tăng giá tiền

1 quan, rượu 1 bình, trâu cau 10 quả. Nếu bắt cần thì phạt tiền 6 mạch, ấy là lệ” [24].

Bên cạnh đó, cũng không thể không nhắc đến các lễ tiết lớn như: Nguyên đán, Đoan ngo, lễ hội làng... Hương ước làng Lục Thủy (Nam Định) cũng có đề cập về lệ này tại Điều 118 như sau: “Làng ta toàn tông đạo Công giáo... đầu năm ra có lệ mồng 4 khai trống... lệ Đoan ngo, Thường tân, chạp lễ v.v.. Tiền chi các tiết ấy đều trích ở công quỹ hàng xã, đệ niên đã dự trong sổ chi thu của làng” [10].

Một điểm đặc biệt là chúng ta có thể thấy được sinh hoạt tôn giáo diễn ra hằng ngày của người Công giáo Việt Nam qua văn bản hương ước các làng Công giáo. Điều này nhằm duy trì nếp sống Đạo của người dân như: các ngày Thánh lễ mà chủ yếu là các lễ trọng (hay lễ lớn) tại nhà thờ, nhà nguyện được ghi chép chi tiết, tỉ mỉ trong văn bản hương ước, ví dụ như trong Hương ước làng Du Hiếu quy định: “Điều 133: Làng toàn Công giáo hằng năm có 6 lễ trọng là lễ kỷ niệm kính Thánh sư. Khi gặp lễ nào trong các tuần lễ ấy thì trong làng Hội đồng và Chánh phó Trùm tộc hội họp lại công đình để cắt cử người đặt bày lễ nghi để rước kiệu theo lễ nghi Công giáo. Các phí tổn trong những ngày lễ ấy và tiền hương đăng quanh năm thì đã có của chung do một cụ linh mục giữ suất bỏ ra không phải bỏ bán gì cho dân cả. Lại các ngày ấy không có bày ra cỗ bàn ăn uống gì cả” [6].

Lễ hội làng ở các làng Công giáo thường được tổ chức vào ngày Lễ Quan thầy như tác giả Nguyễn Hồng Dương đã nhận định về lễ kỷ niệm Thánh Quan Thầy xứ đạo - một hình thức hội làng Công giáo [3, tr.170]. Điều 94, Hương ước ấp Thủy Nhai (Nam Định) quy định: “Hàng năm cứ ngày 12 tháng 9 tây lại mở Lễ Thánh Quan Thầy long trọng thì phải phí tổn và tiền lễ thì làng sự sổ công liệu trích tiền công quỹ là 30,00đ để chi phí việc lễ ấy cho long trọng” [21]. Cũng có những

làng lấy việc thờ phụng Đức Mẹ Maria làm lễ chính của làng, cụ thể trong Khoản thứ 19, Hương ước ấp Sa Châu (Nam Định), viết: “Làng ta có 2 ngôi nhà thờ, 2 đền thờ ấy để thờ đức Thánh Mẫu. Hai đền thờ ấy theo tục làng đến ngày kính Thánh Mẫu bỏ mỗi đình 0đ,10 xin lễ và dầu nến. Các ngày chủ nhật ai cũng phải đi châu lễ. Hằng năm cứ đến ngày kính Thánh Mẫu rước Cụ về làm lễ tại đền thờ ấy” [19].

Trong công cuộc đổi mới đất nước, đặc biệt là trong thời kỳ xây dựng nếp sống văn hóa mới tại nông thôn Việt Nam, tại các làng xã nói chung và làng Công giáo nói riêng cũng có những biến đổi trong tục lệ để phù hợp với xã hội hiện đại. Ví dụ, trong một số hương ước làng Công giáo được thiết lập trong thời kỳ xây dựng làng văn hóa mới, không coi lễ Thánh Quan Thầy là lễ hội làng như nhiều làng Công giáo giai đoạn trước mà lại lấy ngày khai trương làng văn hóa làm ngày hội của làng.

Như vậy, việc gìn giữ phong hóa trong làng xã là một việc không thể thiếu trong bất cứ làng Lương hay làng Giáo, và ở làng Lương - Giáo thì vấn đề này càng trở nên cần thiết, bởi chính việc phong hóa sẽ góp phần vào việc xây dựng khối đoàn kết trong đời sống của người dân trong cộng đồng làng xã. Có thể thấy, những quy định trong hương ước Công giáo vùng đồng bằng sông Hồng về việc thực hành các lễ nghi truyền thống của người Việt mà người Công giáo thực hiện trong năm cũng đã tạo ra lễ thói theo một trật tự nhất định, tính cố kết cộng đồng và mỗi người giáo dân luôn ý thức, tự giác thực hiện các lễ nghi đó như một phần trách nhiệm của họ trong cuộc sống sinh hoạt. Việc tham gia các hoạt động này là nghĩa vụ và trách nhiệm của từng cá nhân và của từng gia đình, dòng họ. Điều này phản ánh truyền thống cố kết làng xã lâu đời, thể hiện nếp sống văn hóa của người

Công giáo Việt Nam trong nền văn hóa chung của người Việt.

4. Vai trò của hương ước trong củng cố, tăng cường sự đoàn kết, gắn bó tương thân, tương ái trong mỗi gia đình, dòng họ và thể hiện sự công bằng, minh bạch trong cộng đồng làng

Vấn đề đoàn kết, tình làng nghĩa xóm, tương thân, tương ái được quy định trong Hương ước làng Thúy Nẻo (Súy Nẻo) Hải Phòng - với 100% dân theo đạo Công giáo, rất rõ ràng, tỉ mỉ tại Điều 2, và Điều 5, Chương 1: “Mọi gia đình, dòng họ, mọi cá nhân trong làng dù sinh quán ở đâu nay cư trú tại làng đều phải có trách nhiệm đoàn kết với dòng họ. Trao đổi, học tập các việc làm tốt, nhắc nhở phê bình những việc làm không tốt. Xây dựng tình làng nghĩa xóm tắt lửa tối đèn có nhau. Phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương của dòng họ, phấn đấu trở thành công dân tốt của xã hội... Những ngày lễ tết, làng tổ chức đại biểu đến thăm hỏi, tặng quà cho những gia đình liệt sỹ - thương binh và những người có công với cách mạng, với làng” [13]. Trong Điều 9, Chương 2, Hương ước làng Xuân Hòa, Tiên Lãng, Hải Phòng, có ghi: “Làng có 85% đồng bào theo đạo Công giáo. Làng tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của cá nhân, gia đình, dòng họ, nhưng phải thực hiện các quy định sau:... Không kích động gây mất đoàn kết, chia rẽ Lương - Giáo các dòng họ và các làng trong xã” [17].

Về sự công bằng, minh bạch, hợp tình, hợp lý được thể hiện trong các văn bản hương ước xưa và nay, nhất là trong việc phân chia đất công: Tờ khoán La Tinh, (Hà Tây cũ) gồm 17 điều, trong đó có ghi: “... hai bên Lương - Giáo tục lệ có khác nhau

một phần, phải hội họp để bàn công việc hợp lý hợp tình, chia giáp, chia phiên để lập khoán mới, quy định tục lệ các khoán để chia ruộng đất thờ Thần thờ Phật... Hai bên Lương - Giáo cùng một làng, chỉ phân biệt Lương, Giáo mà thôi, còn là người cùng làng, có thể cùng dòng họ, phải biết sống với nhau có lí có tình, nên phải thống nhất với nhau cùng một thể lệ, tôn trọng với nhau cùng một thể lệ riêng tư, không nên tranh chấp làm phiền nhau mà nên theo lệ trong tờ khoán” [22]. Theo Điều 14, 15 trong Tờ khoán đó, diện tích đất dành cho Giáo dân là 2 thửa ruộng rộng 2 sào 3 thước và 2 thửa khác rộng 11 thước, cùng với ruộng thờ tự cũ của làng nay cũng đem chia cho Giáo dân được 1 mẫu 3 sào 5 thước [22]. Cho đến nay, làng La Tinh vẫn là một làng Lương - Giáo, cùng với Đồng Nhân và Đông Lao hợp thành xã Đông La, Hoài Đức, Hà Nội. Trong văn bản hương ước trước cải lương của xã Chát Thành có chép: “Các vị kỳ dịch Lương và Giáo làng Chát Thành tổng Chát Thành huyện Kim Sơn phủ Yên Khánh xin khấu trình việc phân chia giáp. Nguyên nhân làng trước đây khi thiết lập đều là dân bên Lương, việc đình, điền đều không phân biệt. Khoảng niên hiệu Tự Đức (không ghi năm bao nhiêu), đội ơn khoan điển, bấy giờ có dân theo Công giáo, nay giáp ấy tình nguyện thành một giáp riêng để tiện khu xử đã được quan Khâm sai Tuyên phủ sứ Đại nhân chỉ thị việc phân chia giáp cốt hai bên phải cùng yên ổn... Tuy có phân chia giáp vốn yêu kính nhưng tình không có gì khác... nay khẩn tính chiếu theo 87 nhân đình trong toàn làng chia cấp mỗi đình được 2 mẫu 5 sào 6 thước... giáp Giáo có 10 người được 25 mẫu 4 sào” [26].

Việc quy định rất chặt chẽ về những biện pháp xử lý các mối bất hòa trong làng, gây mất đoàn kết làm ảnh hưởng đến phong hóa của làng, sẽ giúp chính mỗi người dân trong

làng tự điều chỉnh mọi hành vi của mình, đồng thời đó cũng là những lời răn dạy con cháu phải biết hòa hợp trong làng, ngoài xóm, cùng nhau gây dựng làng xóm tốt đẹp hơn. Tùy theo từng làng mà có những hình phạt khác nhau về vấn đề này, như trong Hương ước ấp Tôn Đạo, Ninh Bình nêu: “Lệ hương đẳng quý ở hòa mục, người nào như có bất bình, nhẹ thì trình Lân trưởng, sau đến Lý trưởng; nặng thì trình Linh mục để làm cho phải lễ với chính đạo. Nếu bất cứ ai sinh tình tranh cạnh, dẫn đến hai bên ẩu đả, bắt phạt tiền 6 mạch, đánh 30 roi. Nếu không chịu, đem sự việc trình quan mà thất lý, lại bắt phạt 3 quan đánh 100 roi. Người đó còn ngang ngạnh, truất làm người ngoài” [23].

Những quy định đầy đủ trong hương ước về vấn đề gìn giữ phong hóa sẽ tạo cho mỗi người dân tự kiểm soát được hành động của chính mình, tránh điều xấu. Bằng những việc làm như vậy sẽ nhắc nhở mỗi người dân trong làng sống có trách nhiệm hơn, đoàn kết hơn, biết quan tâm tới nhau, sống có tình, có lý với phương châm “tình làng, nghĩa xóm”. Những quy định riêng cho từng bên và những quy định chung cho cả hai bên Lương - Giáo sẽ tạo sự gắn kết của người dân trong làng với nhau, mặc dù không cùng đi theo một tôn giáo, góp phần tạo dựng khối đoàn kết vững chắc trong làng xã vùng đồng bằng sông Hồng nói riêng và làng xã Việt Nam nói chung.

5. Kết luận

5.1. Trước hết, hương ước làng Công giáo đã thể hiện rõ vai trò tích cực của nó trong đời sống xã hội của người dân trong làng xã với tính tự trị, tự quản cao. Bên cạnh đó việc duy trì và phát huy thuần phong, mỹ tục, truyền thống văn hoá cộng đồng, phát huy

các giá trị đạo lý và nhân văn; và củng cố, tăng cường sự đoàn kết, gắn bó tương thân, tương ái trong mỗi gia đình, dòng họ và thể hiện sự công bằng, minh bạch trong cộng đồng làng đã thể hiện rõ vai trò của hương ước làng Công giáo xưa.

5.2. Việc gìn giữ, phát huy thuần phong mỹ tục của làng thể hiện qua thực hành các lễ nghi, cầu nguyện trong sinh hoạt tôn giáo của cộng đồng người Công giáo Việt Nam rất đa dạng và phong phú tùy thuộc vào sự khác nhau về tục lệ của từng làng cũng góp phần gìn giữ và phát triển Đạo. Những lễ nghi hiện đại của Công giáo được lồng ghép vào trong những phong tục cổ truyền của người Việt, nhất là hôn nhân một vợ, một chồng. Những lễ nghi, phong tục cổ truyền mang đậm tính vùng, miền với nghề nông là chính, đó là các lễ tiết cổ truyền, có thể kể ra như: lễ Nguyên đán, lễ Tổ tiên, lễ Hạ điền (còn gọi là lễ xuống đồng cầu cho mùa màng bội thu), lễ Thường tân (còn gọi là lễ Cơm mới), Lễ Tiên nhân, Lễ giỗ hậu (tục gửi hậu), lễ hội làng v.v.. Các lễ tiết này đều được quy định cụ thể về ngày lễ, nghi thức lễ và vật lễ trong các buổi lễ. Mục đích của những quy định đó là muốn cho làng xóm được hoàn mỹ hơn, phong hóa hơn và nền nếp hơn, đồng thời, thể hiện sự hội nhập văn hóa làng xã trong làng Công giáo, sự hòa nhập giữa lối sống của người Việt và lối sống của người Công giáo, giữa truyền thống và hiện đại trong làng quê Việt Nam nói chung và vùng đồng bằng sông Hồng nói riêng.

5.3. Từ công tác tổ chức nhân sự, phân chia công việc cho đến việc phân bổ kinh phí trong mỗi buổi lễ, tất cả đều được thực hiện một cách nghiêm túc, công bằng, minh bạch đúng với quy định của làng đề ra. Ngoài việc phụng tự Thiên Chúa ra, các ngày lễ cũng là dịp để cho toàn thể giáo dân trong làng tổ chức ăn uống, họp mặt nhau,

chia sẻ những kinh nghiệm sống, cùng nhau sống tốt đời, đẹp đạo. Những quy định đó đã tạo ra lễ thói, gia phong trong mỗi con người, gia đình, dòng họ của người Công giáo theo một trật tự nhất định. Việc tham gia các hoạt động này là nghĩa vụ và trách nhiệm của mỗi cá nhân và của mỗi gia đình, dòng họ. Điều này phản ánh truyền thống cố kết làng xã lâu đời, thể hiện nếp sống văn hóa tương thân, tương ái, đoàn kết gắn bó của người Công giáo Việt Nam trong nền văn hóa chung của người Việt.

Trong đời sống văn hóa - xã hội hiện nay, việc xây dựng hương ước mới theo chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước là việc nên làm, nhưng cần phải xét đến những thuận lợi và bất cập cho việc soạn thảo hương ước, để sao cho phù hợp với phong tục của từng làng, không làm mất đi những đặc trưng riêng của từng làng, nhất là ở những làng có người dân theo tôn giáo.

Chú thích

² Có nhiều cách gọi khác nhau như: hương ước, khoán ước, lệ làng, tục lệ... tuy nhiên trong bài viết này, sử dụng nhất quán thuật ngữ *hương ước*.

³ Vùng đồng bằng sông Hồng là nơi có nền văn hóa mang nhiều sắc thái riêng của từng vùng, là nơi giao thoa giữa các vùng văn hóa, nơi tiếp nhận đầu tiên các tôn giáo: Nho, Phật, Đạo, và cho đến thế kỷ XVII là Công giáo (Công giáo truyền vào Việt Nam, từ giữa thế kỷ XVI (1533), tuy nhiên phải đến thế kỷ XVII thì quá trình truyền giáo và phát triển đạo của Công giáo mới chính thức bắt đầu và lấy mốc từ năm 1615 với sự xuất hiện của giáo sĩ Dòng Tên Buzomi vào Hội An - Quảng Nam ngày nay).

⁴ Đó là một thành công trong quá trình truyền giáo của Công giáo vào Việt Nam, các giáo sĩ đã lồng ghép hệ thống tổ chức Giáo hội vào trong tổ chức làng Việt nên hình thành làng Công giáo. Có 2 loại

làng Công giáo: làng Công giáo toàn tông (có trên 90% người dân theo Công giáo) và làng Lương - Giáo (có cả người dân theo Công giáo và không theo Công giáo sống chung trong làng). Trong bài viết này, chúng tôi sử dụng thuật ngữ làng Lương để chỉ người dân không theo tôn giáo được thể hiện trong các văn bản hương ước thế kỷ XIX-XX.

⁵ Đồng bằng sông Hồng gồm 11 tỉnh, thành: Hà Nội (cả Hà Tây cũ), Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Quảng Ninh, Hải Dương, Hải Phòng, Hưng Yên, Thái Bình, Hà Nam, Nam Định và Ninh Bình (Theo *Niên giám thống kê năm 2008*, của Tổng cục Thống kê, tr. 37).

⁶ Cúng hậu là hình thức cúng ruộng, tiền, vàng bạc, đồ thờ... cho làng hoặc đình, chùa... để được cúng giỗ lâu dài sau khi “trăm tuổi”. Thông thường, người nào có tiền, có của mà không có con trai nối dõi, để khỏi phải chịu cảnh “cướp cháo lá đa”, thì ngoài việc lập người kế tự để giữ hương hỏa, người ta còn cúng hậu chỉ xuất phát từ một nguyên nhân là không có người nối dõi, phụng thờ. Có người nhân lúc làng gặp khó khăn là cúng tiền, ruộng để giúp đỡ mà được bầu hậu. Có người cúng hậu để nhờ làng, đình, chùa... cúng giỗ cho bản thân hoặc những người trong gia đình, cũng có người cúng hậu để nâng cao uy tín, địa vị của bản thân, của dòng họ, hay chỉ để được nương bóng thần phật, để cả làng cúng giỗ mình thì hương hỏa càng được lâu dài... (dẫn theo: Nguyễn Ngọc Quỳnh, (2001), “Tục cúng hậu xưa và nay qua các tấm bia hậu” trong *Thông báo Hán Nôm học*, tr 480-490) hoặc trên: <http://www.hannom.org.vn/detail.asp?param=144&Catid=255>.

Tài liệu tham khảo

- [1] *Công hàm xứ Bắc Trạch, Cao Mại, Kiến Xương, Thái Bình*, (1989), Thái Bình.
- [2] Phan Đại Doãn, Bùi Xuân Đính (2000), “Ba thời kỳ phát triển của hương ước”, *Luật tục và phát triển nông thôn hiện nay ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

- [3] Nguyễn Hồng Dương (2001), *Nghi lễ và lối sống Công giáo trong văn hóa Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [4] Bùi Xuân Đỉnh (1998), *Hương ước và quản lí làng xã*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [5] Nguyễn Thị Quế Hương (2014), “Tính tự trị và tự quản của làng Công giáo vùng đồng bằng sông Hồng qua Hương ước”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 7.
- [6] *Hương ước làng Du Hiếu, huyện Giao Thủy, Nam Định* (1938), Tài liệu cá nhân.
- [7] *Hương ước làng Đáp Khê, huyện Chí Linh, Hải Dương* (1942), Viện Thông tin khoa học xã hội, Kí hiệu Hư 1062.
- [8] *Hương ước làng Đông Xuyên Ngoại, huyện Tiên Lãng, Kiến An*, Viện Thông tin khoa học xã hội, Kí hiệu Hư 1674.
- [9] *Hương ước làng Đồng Châu Ngoại, huyện Tiên Hải, Thái Bình* (1936), Viện Thông tin khoa học xã hội, Kí hiệu Hư 3208.
- [10] *Hương ước làng Lục Thủy, huyện Xuân Trường, Nam Định*, Viện Thông tin khoa học xã hội, Kí hiệu Hư 4256.
- [11] *Hương ước làng Mỹ Đình, huyện Duyên Hải, Thái Bình* (1936), Viện Thông tin khoa học xã hội, Kí hiệu Hư 2879.
- [12] *Hương ước làng Phú Nhai, huyện Xuân Trường, Nam Định* (1940), Viện Thông tin khoa học xã hội, Kí hiệu Hư 4232.
- [13] *Hương ước làng văn hóa thôn Thúi Nẻo, xã Bắc Hưng, Tiên Lãng, Hải Phòng*, lập năm 1999.
- [14] *Hương ước làng Tiên Lãng, xã Tiên Minh, Tiên Lãng, Hải Phòng*, lập năm 2003.
- [15] *Hương ước làng Tiên Đồi Ngoại, Đoàn Lập, Tiên Lãng, Hải Phòng*, lập năm 2005.
- [16] *Hương ước làng Vĩnh Trị, huyện Nghĩa Hưng, Nam Định* (1942), Viện Thông tin khoa học xã hội, Kí hiệu Hư 3528.
- [17] *Hương ước làng Xuân Hòa, xã Bạch Đằng, huyện Tiên Lãng, Hải Phòng*, lập năm 2005.
- [18] *Hương ước tổng Thuận Vi, Thư Trì, Kiến Xương, Thái Bình*, Kí hiệu AF a5/65, tại Thư viện Hán Nôm.
- [19] *Hương ước Sa Châu ấp, huyện Giao Thủy, Nam Định* (1943), Viện Thông tin khoa học xã hội, Kí hiệu Hư 2031.
- [20] *Hương ước tộc Giáo, xã Bắc Trạch, Kiến Xương, Thái Bình* (lập năm 1916), tại Thư viện Hán Nôm.
- [21] *Hương ước ấp Thủy Nhai, huyện Giao Thủy, Nam Định* (1942), Viện Thông tin khoa học xã hội, Kí hiệu Hư 2012.
- [22] *Tờ khoán xã La Tinh, tổng La Hội, huyện từ Liêm, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Tây* (Hà Nội ngày nay), (1896).
- [23] *Tục lệ ấp Tôn Đạo tổng Quy Hậu, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình* (1917), Viện nghiên cứu Hán Nôm, Kí hiệu AF.a4/27.
- [24] *Tục lệ thôn Giáo Dân, xã Cống Thủy, tổng An Ninh, huyện An Khánh, tỉnh Ninh Bình*, (1908), Viện nghiên cứu Hán Nôm, Kí hiệu AF.a11/36.
- [25] *Tục lệ thôn Triệu, Tổng Hiến Khánh, huyện Vụ Bản, Nam Định*, (lập năm 1887), tại Thư viện Hán Nôm.
- [26] *Tục lệ xã Chát Thành, tổng Chát Thành, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình*, (1897), Viện nghiên cứu Hán Nôm, Kí hiệu AF.a4/23.
- [27] *Tục lệ xã Lạc Nhuế, tổng Phương Đàn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam* (1920), Viện Hán Nôm.
- [28] Đào Trí Úc (Chủ biên) (2003), *Hương ước trong quá trình thực hiện dân chủ ở nông thôn Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [29] Trần Từ (1984), *Cơ cấu tổ chức của làng Việt cổ truyền ở Bắc Bộ*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [30] Viện Nghiên cứu Tôn giáo (2003), *Kỷ yếu trao đổi hội thảo khoa học tư liệu Hán Nôm viết về Công giáo Việt Nam*, Hà Nội.